TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2024/DS-ST
Ngày: 16-5-2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều.
2. Ông Nguyễn Quốc Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông Ngô Thành Khánh Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu V (tên thường gọi là chị Út)**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị V: Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Anh **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị **Tô Thị Kim N** (tên thường gọi Mười H), sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đỗ Văn Ú**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(có mặt chị Như, chị N, ông Ú xin vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/12/2023 nguyên đơn Nguyễn Thị Thu V và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Chị V có tên thường gọi là chị Ú. Chị Tô Thị Kim N có tên thường gọi là Mười H. Chị V có cho vợ chồng Nguyễn Quốc T và Tô Thị Kim N mượn tiền nhiều lần như sau:

+ Ngày 03/02/2004 Âm lịch (tức ngày 22/02/2004 Dương lịch) chị V có cho vợ chồng Nguyễn Quốc T và Tô Thị Kim N mượn số tiền 12.000.000 đồng (Mười H triệu đồng). Khi mượn tiền anh T, chị N có tự tay viết, ký tên vào biên nhận mượn tiền, thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày mượn tiền thì anh T, chị N trả nợ cho chị V.

+ Ngày 30/11/2018 Dương lịch vợ chồng Nguyễn Quốc T và Tô Thị Kim N tiếp tục mượn chị V số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Khi mượn tiền anh T, chị N có tự tay viết, ký tên vào biên nhận mượn tiền, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay đến ngày 30/01/2020 thì anh T, chị N trả nợ cho chị V.

Tổng cộng số tiền anh Nguyễn Quốc T và chị Tô Thị Kim N mượn chị V là 512.000.000 đồng (Năm trăm Mười H triệu đồng). Nhưng đến nay đã quá hạn trả nợ, chị V đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị N trả nợ nhưng anh T, chị N cứ hứa hẹn mà không thực hiện trả chị V số tiền vốn và lãi nào.

Biên nhận là anh chị Ú nhưng chị V là người trực tiếp đưa tiền và chồng chị V là anh Đỗ Văn Ú không liên quan.

Do đó, nay chị V khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Quốc T và chị Tô Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho chị V số tiền nợ là 512.000.000 đồng (Năm trăm Mười H triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Chị V yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Tô Thị Kim N tại bản tự khai ngày 22/02/2024 và tại phiên tòa trình bày:

Chị và chồng là Nguyễn Quốc T có vay của chị V 02 lần tổng số tiền 512.000.000 đồng. Khi vay tiền chị có viết biên nhận và vợ chồng chị có ký tên vào các biên nhận nợ. Sau khi vay tiền do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng chị chưa trả được tiền nợ gốc cho chị V, chỉ trả lãi: đối với lần vay 500.000.000 đồng trả lãi từ năm 2018 đến năm 2022 với lãi suất 1%/tháng; đối với lần vay 12.000.000 đồng, trả lãi từ năm 2004 đến năm 2022 với lãi suất 1,5%/tháng. Khi trả lãi không có lập biên nhận giấy tờ gì. Vợ chồng chị mượn tiền từ bà V không

liên quan ông Ú (chồng bà V).

Nay chị V khởi kiện yêu cầu trả số tiền 512.000.000 đồng, vợ chồng chị cũng đồng ý trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Việc vay tiền để phục vụ kinh tế gia đình, hiện chị và anh Nguyễn Quốc T vẫn là vợ chồng hợp pháp và anh Nguyễn Quốc T hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chị có tên thường gọi tại địa phương là Mười H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Ú tại bản tự khai ngày 25/3/2024 trình bày:* Ông là chông của Nguyễn Thị Thu V. Vợ chồng ông có tên thường gọi là anh chị Ú. Việc V cho vợ chồng Nguyễn Quốc T và Tô Thị Kim N mượn tiền thỏa thuận như thế nào thì ông không được rõ, chỉ có V mới rõ. V trực tiếp đưa tiền cho N và T mượn. Ông không có tiền đưa. Khi Tòa án mời ông thì ông mới được V kể lại sự việc. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của V đối với N và T. Ông không tranh chấp gì vụ kiện này và xin vắng mặt.

* Tại phiên tòa: Chị N và bà N thống nhất số tiền nợ 512.000.000 đồng nhưng không thống nhất cách thức trả nợ.

- Bị đơn anh T vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiếm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả khoản nợ đã vay theo biên nhận đã ký kết với số tiền 512.000.000 đồng là có cơ sở vì bị đơn thừa nhận có vay tiền và có viết, ký tên trong biên nhận. Phía bị đơn không đồng ý trả một lần vì khó khăn, bà xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, ý kiến này của chị N ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn và đại diện nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận. Về nghĩa vụ liên đới, cả đại diện nguyên đơn và chị N đều thừa nhận anh T và chị N là người vay và trực tiếp nhận tiền, cùng sử dụng làm kinh tế gia đình. Anh T tuy không có lời trình bày và vắng mặt nhưng trong biên nhận có chữ ký của anh T. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc anh T liên đới chị N trả nợ cho chị V là có cơ sở. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh T và chị N trả 512.000.000 đồng cho chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ú có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh T vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và ông Ú.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ vay và bị đơn đang cư trú tại xã M, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 280, Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị V có cho vợ chồng anh T và chị N vay số tiền 512.000.000 đồng, đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng anh T và chị N không trả nên chị V yêu cầu anh T và chị N liên đới trả 512.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị N đồng ý vợ chồng chị trả 512.000.000 đồng, và xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Về số tiền nợ: Phía nguyên đơn cung cấp biên nhận chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là biên nhận ngày 03/02/2004 âm lịch số tiền 12.000.000 đồng và biên nhận ngày 30/11/2018 số tiền 500.000.000 đồng. Đại diện nguyên đơn và chị N đều xác nhận hai biên nhận do chị N tự viết và ký tên. Chị N thống nhất số tiền nợ hiện nay mà chị còn nợ chị V là 512.000.000 đồng, chị đồng ý trả số tiền này. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc trả số tiền nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về nghĩa vụ liên đới: Chị V cho rằng anh Nguyễn Quốc T là chồng chị N, tại thời điểm cho mượn anh T có ký tên vào biên nhận (bút lục 48, 49) và mục đích vay tiền để sử dụng kinh tế gia đình. Chị N cũng thừa nhận vợ chồng chị vay để sử dụng trong gia đình, làm ăn và đồng ý liên đới trả. Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem như anh không phản đối những tài liệu chứng cứ cũng như yêu cầu của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh T liên đới với chị N trả chị V 512.000.000 đồng.

[4.3] Về tiền lãi: Phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Xét đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.4] Về thời hạn thanh toán: Chị N đồng ý trả 512.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, chị N và anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại quyền lợi của chị V và tại phiên tòa

người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý cho chị V trả dần nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị N và anh T có nghĩa vụ trả cho chị V 512.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp-Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu V.

- Buộc chị Tô Thị Kim N và anh Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thu V 512.000.000 đồng (Năm trăm Mười H triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Tô Thị Kim N và anh Nguyễn Quốc T phải chịu 24.480.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại chị Nguyễn Thị Thu V 12.240.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007144 ngày 02/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị V, chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T, ông Ú được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chị cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tuyền